

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung và
bãi bỏ một số phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND ngày 22/8/2008 của HĐND tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 12 về ban hành sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Cục Thuế tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Thuế tỉnh hướng dẫn thực hiện cụ thể.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn, Giám đốc Công ty Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thiện

QUY ĐỊNH

BAN HÀNH BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ BÃI BỎ MỘT SỐ LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 29/2008/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của UBND tỉnh)

I. Quy định bổ sung phí, lệ phí.

1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

a. Cơ quan thu: Cơ quan thuế.

b. Mức thu:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đá:		
	- Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	đồng/m ³	50.000
	- Quặng đá quý (kim cương, ru bi, saphia, emôrôt, alexandrit, opan quý màu đen, a dit, rôđôlit, pyrôp, berin, spinen, tôpaz, thạch anh tinh thể, crizôlit, pan quý, birusa, nêfrit...)	đồng/tấn	50.000
	- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	đồng/m ³	1.000
	- Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	đồng/m ³	2.000
2	Fenspat	đồng/m ³	20.000
3	Sỏi, cuội, sạn	đồng/m ³	4.000
4	Cát:	đồng/m ³	
	- Cát vàng (cát xây tô)		3.000
	- Cát thủy tinh		5.000
	- Các loại cát khác		2.000
5	Đất:	đồng/m ³	
	- Đất sét, làm gạch, ngói		1.500
	- Đất làm thạch cao		2.000
	- Đất làm cao lanh		5.000
	- Các loại đất khác		1.000
6	Than:	đồng/tấn	
	- Than đá		6.000
	- Than bùn		2.000
	- Các loại than khác		4.000
7	Nước khoáng thiên nhiên	đồng/m ³	2.000
8	Sa khoáng titan (ilmenit)	đồng/tấn	50.000
9	Quặng apatít	đồng/tấn	3.000
10	Quặng khoáng sản kim loại:	đồng/tấn	
	- Quặng mangan		30.000
	- Quặng sắt		40.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu
	- Quặng chì		180.000
	- Quặng kẽm		180.000
	- Quặng đồng		35.000
	- Quặng bô xít		30.000
	- Quặng thiếc		180.000
	- Quặng cromit		40.000
	- Quặng khoáng sản kim loại khác		10.000

c. 100% số thu nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

a. Cơ quan thu:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội: Đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh, đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh, đầu tư vào các địa điểm ngoài Khu kinh tế Nhơn Hội.

b. Mức thu:

Số TT	Nội dung	Mức thu /1 báo cáo
1	Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức	5.000.000 đồng
2	Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung	2.500.000 đồng

c. Tỷ lệ % để lại: Cơ quan thu được để lại 100% số tiền phí thu được để chi theo quy định.

3. Lệ phí địa chính

a. Đối tượng nộp:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính.

b. Đối tượng miễn thu:

Miễn thu lệ phí địa chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn bao gồm cả hộ gia đình, cá nhân ở thị trấn và các phường ở ngoại thành Quy Nhơn (hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, giao đất ở đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, giao đất ở đối với hộ gia đình mà chủ hộ là bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con của liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

c. Mức thu:

Số TT	CÔNG VIỆC ĐỊA CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU		
			Cá nhân, hộ gia đình		Tổ chức
			Các phường nội thành thuộc thành phố Quy Nhơn	Khu vực khác	
1	2	3	4	5	6
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/giấy	25.000	Miễn	100.000
2	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	đồng/lần	15.000	7.000	20.000
3	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	đồng/lần	10.000	5.000	20.000
4	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/lần	20.000	10.000	20.000

d. Tỷ lệ % để lại: Cơ quan thu được trích để lại 30% số tiền lệ phí địa chính thu được để chi theo quy định; số tiền lệ phí địa chính còn lại 70% phải nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Lệ phí đăng ký cư trú.

a. Cơ quan thu: Công an xã, phường, thị trấn và công an thành phố Quy Nhơn.

b. Mức thu:

Số TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường nội thành thuộc thành phố Quy Nhơn	Khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	Đồng /lần đăng ký	10.000	5.000
2	Cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà.	Đồng/lần cấp	15.000	7.500
		Đồng/lần cấp	8.000	4.000
3	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	Đồng/lần đính chính	5.000	2.500

c. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu:

+ Công an phường và Công an thành phố Quy Nhơn: 50 %

+ Công an xã, thị trấn: 100 %

5. Lệ phí chứng minh nhân dân.

a. Cơ quan thu: Công an huyện, thành phố và Công an tỉnh.

b. Mức thu:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
		Các phường nội thành của thành phố Quy Nhơn	Khu vực khác
Cấp lại, đổi chứng minh nhân dân	đồng/lần cấp	6.000	3.000

c. Tỷ lệ % để lại:

+ Công an huyện, thành phố: 100 %

+ Công an tỉnh: 100 %

II. Quy định sửa đổi, bổ sung phí, lệ phí.

1. Học phí Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn.

a. Cơ quan thu: Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn

b. Mức thu:

- Hệ cao đẳng nghề 150.000 đồng/tháng/sinh viên;

- Hệ trung cấp nghề 100.000 đồng/tháng/học viên.

c. Tỷ lệ % để lại: Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn được để lại 100% số tiền học phí thu được để chi theo quy định.

2. Phí trông giữ xe đạp, xe máy.

Điều chỉnh mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy tại các bệnh viện được quy định tại Quyết định số 140/2005/QĐ-UBND ngày 26/12/2005 của UBND tỉnh như sau:

- Phí trông giữ xe đạp: 500 đồng/lượt;

- Phí trông giữ xe máy: 1.000 đồng/lượt.

III. Bãi bỏ phí qua đò tại Khu Du lịch Hồ Núi Mọt.

Bãi bỏ phí qua đò tại Khu Du lịch Hồ Núi Mọt do Xí nghiệp Dịch vụ khai thác thủy lợi tổ chức thu được quy định tại Quyết định số 140/2005/QĐ-UBND ngày 26/12/2005 của UBND tỉnh. Giao Xí nghiệp Dịch vụ khai thác thủy lợi quy định cụ thể về mức thu để bù đắp chi phí.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thiện